

NIÊM YẾT VIỆC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

**Quyền sử dụng đất 20 lô đất tại khu dân cư trung tâm xã,
xã Thanh Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá.**

Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa.

Địa chỉ: Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân huyện Như Xuân.

Địa chỉ: khu phố 2, Thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

1. Tài sản đấu giá:

Quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Gồm: 20 lô đất ở tại mặt bằng quy hoạch khu dân MBQH Khu dân cư trung tâm xã, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân được UBND huyện Như Xuân theo Quyết định số 1785/QĐ-UBND ngày 24/8/2021.

- Tổng diện tích đưa ra đấu giá: 3.785,6 m².
- Hiện trạng khu đất: Đã được giải phóng mặt bằng.
- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn;
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

* Giấy tờ về tài sản đấu giá: Căn cứ Quyết định của UBND huyện Như Xuân số 694/QĐ-UBND ngày 11/4/2025 của UBND huyện Như Xuân về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở tại MBQH Khu dân cư trung tâm xã, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân.

* Nơi có tài sản đấu giá: Khu dân cư trung tâm xã, xã Thanh Quân, huyện Như Xuân.

2. Thời gian, địa điểm xem tài sản đấu giá:

- Thời gian xem tài sản đấu giá: Trong giờ hành chính từ ngày 05/5/2025 đến ngày 07/5/2025.
- Địa điểm xem tài sản đấu giá: Nơi có tài sản đấu giá.

3. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá:

- Trong giờ hành chính tại:
Ủy ban nhân dân xã Thanh Quân từ ngày 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 15/5/2025.
- Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa từ 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 20/5/2025.

4. Giá khởi điểm, tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước:

- Giá khởi điểm: Từ 190.560.000 đồng/lô đến 305.400.000 đồng/lô
- Tiền mua hồ sơ mời tham gia đấu giá: từ 100.000 đồng /1 hồ sơ tham gia đấu giá. Tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá được thu khi khách hàng nhận hồ sơ tham gia đấu giá và không trả lại cho khách hàng.
- Tiền đặt trước: Từ 38.122.000 đồng/lô đến 61.080.000 đồng/lô
(Chi tiết Giá khởi điểm, tiền hồ sơ, tiền đặt trước có Phụ lục chi tiết kèm theo)
- Thời gian nộp tiền đặt trước: Từ 7 giờ 00 phút ngày 29/4/2025 đến 17 giờ 00 phút ngày 20/5/2025.
- Khách hàng tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước vào tài khoản của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa số: 3520363623636 mở tại: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN Như Xuân (AGRIBANK).
- Người tham gia đấu giá ghi rõ phần nội dung chuyển tiền: ("**Họ tên và Số CCCD của người đăng ký tham gia đấu giá**") **nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền sử dụng đất MBQH xã Thanh Quân**).

5. Thời gian, địa điểm, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- * Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá: theo như mục 3 của Thông báo này (Thời gian, địa điểm bán hồ sơ mời tham gia đấu giá, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá)
- * Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:
 - Mua hồ sơ mời tham gia đấu giá, nộp hồ sơ tham gia đấu giá và nộp tiền đặt trước cho Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa theo đúng thời gian và địa điểm;
 - Có Phiếu đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo mẫu của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa và bản sao Căn cước công dân của vợ/chồng kèm theo;
 - Khi tham gia phiên đấu giá phải có Căn cước công dân bản chính. Nếu ủy quyền thì phải có văn bản Ủy quyền theo quy định của pháp luật;
 - Tự ghi đầy đủ các thông tin trong Phiếu trả giá (mẫu Phiếu trả giá do Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành).

6. Thời gian, địa điểm tổ chức phiên đấu giá:

Bắt đầu 8 giờ 00 phút ngày 23/5/2025 tại Hội trường UBND xã Thanh Quân, huyện Như Xuân.

7. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá.

- Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp 01 vòng tại phiên đấu giá.
- Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên.

8. Bước giá, phiếu trả giá hợp lệ, phiếu trả giá không hợp lệ.

- **Bước giá: 1%**, là mức chênh lệch tối thiểu giữa lần trả giá sau so với lần trả giá trước liền kề.

- **Phiếu trả giá hợp lệ:**

+ Trong phiếu trả giá, người tham gia đấu giá ghi cả số tiền bằng số và số tiền bằng chữ; trường hợp số tiền bằng số và số tiền bằng chữ không thống nhất thì căn cứ số tiền bằng chữ để xác định giá trả; trường hợp số tiền bằng số không rõ ràng, không có nghĩa thì căn cứ số tiền bằng chữ và ngược lại.

+ Phiếu trả giá không thuộc trường hợp phiếu trả giá không hợp lệ.

- **Phiếu trả giá không hợp lệ:**

+ Phiếu trả giá không theo mẫu của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hóa phát hành và không đóng dấu treo.

- + Không trả giá, trả giá thấp hơn giá khởi điểm ở vòng 1 hoặc thấp hơn giá khởi điểm của các vòng đấu tiếp theo cộng với bước giá.
- + Không ghi số lô hoặc không ghi rõ số lô đất.
- + Phiếu không còn nguyên vẹn, nhàu nát.
- + Sửa chữa, tẩy xóa tại các nội dung về phần họ tên người tham gia đấu giá, lô đất đăng ký tham gia và số tiền trả giá bằng số, bằng chữ;
- + Không ký và không ghi rõ họ tên của người tham gia đấu giá (vào phần “*ký, ghi rõ họ tên*”).
- + Số tiền ghi bằng số và bằng chữ không rõ ràng, không có nghĩa hoặc không ghi số tiền bằng số hoặc không ghi số tiền bằng chữ.
- + Phiếu nộp sau khi kết thúc thời gian thu phiếu trả giá.

Mọi chi tiết xin liên hệ: Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản Thanh Hoá - Tầng 2, Trụ sở Hợp khối các đơn vị sự nghiệp tỉnh Thanh Hóa, đường Lý Nam Đế, phường Đông Hương, TP.Thanh Hoá, ĐT: 0237 3859453./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Như Xuân, UBND xã Thanh Quân, Trung tâm DVĐG tài sản TH (để *Niêm yết ngày 29/04/2025*);
- Lưu: VT, HS.



PHỤ LỤC

**Giá khởi điểm để tổ chức đấu giá Quyền sử dụng đất tại MBQH khu dân cư trung tâm xã, xã Thanh
Quân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa**

TT	Ký hiệu lô	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Hệ số	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền Đặt Trước	Phí hồ sơ
1	Lô LK 1: 03	187.5	1,200,000	1.0	225,000,000	45,000,000	100,000
2	Lô LK 1: 04	187.5	1,200,000	1.0	225,000,000	45,000,000	100,000
3	Lô LK 1: 05	187.5	1,200,000	1.0	225,000,000	45,000,000	100,000
4	Lô LK 1: 06	187.5	1,200,000	1.0	225,000,000	45,000,000	100,000
5	Lô LK 1: 07	187.5	1,200,000	1.0	225,000,000	45,000,000	100,000
6	Lô LK 1: 09	244.3	1,200,000	1.0	293,160,000	58,632,000	100,000
7	Lô LK 1: 10	184.0	1,200,000	1.0	220,800,000	44,160,000	100,000
8	Lô LK 1: 12	184.0	1,200,000	1.0	220,800,000	44,160,000	100,000
9	Lô LK 1: 13	195.5	1,200,000	1.0	234,600,000	46,920,000	100,000
10	Lô LK 1: 14	195.5	1,200,000	1.0	234,600,000	46,920,000	100,000
11	Lô LK 1: 15	254.5	1,200,000	1.0	305,400,000	61,080,000	100,000
12	Lô LK 2: 01	206.4	1,200,000	1.0	247,680,000	49,536,000	100,000
13	Lô LK 2: 02	193.9	1,200,000	1.0	232,680,000	46,536,000	100,000
14	Lô LK 2: 03	180.9	1,200,000	1.0	217,080,000	43,416,000	100,000
15	Lô LK 2: 04	171.8	1,200,000	1.0	206,160,000	41,232,000	100,000
16	Lô LK 2: 05	166.6	1,200,000	1.0	199,920,000	39,984,000	100,000
17	Lô LK 2: 06	161.4	1,200,000	1.0	193,680,000	38,736,000	100,000
18	Lô LK 2: 07	158.8	1,200,000	1.0	190,560,000	38,112,000	100,000
19	Lô LK 2: 08	158.8	1,200,000	1.0	190,560,000	38,112,000	100,000
20	Lô LK 2: 09	191.7	1,200,000	1.0	230,040,000	46,008,000	100,000
Tổng		3,785.6			4,542,720,000		